



tú fū
屠夫

noun · butcher

Example Sentences

nà ge tú fū měi tiān qīng chén jiù kāi shǐ gōng zuò
那个屠夫每天清晨就开始工作。

That butcher starts working every early morning.

tú fū yòng fēng lì de dāo qiē ròu
屠夫用锋利的刀切肉。

The butcher cuts meat with a sharp knife.

Trace each character, then write the word on your own.

屠	屠	屠	屠	屠	屠	屠	屠	屠	屠	屠
屠	屠	屠								

夫	夫	夫	夫	夫	夫	夫				
